

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/HNGĐ-ST
Ngày 06-02-2018
V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Anh L.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lý Đức P.**

2. Bà **Trần Thị H.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Việt C** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Hồng Q** – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2017 về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Đặng Thị N** – Sinh năm: 1994.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Dân tộc: Dao.

Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện A, tỉnh Hà Giang.

Hôm nay vắng mặt (Đã có đơn xin giải quyết vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh **Lý Xuân T** – Sinh năm: 1993.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Dân tộc: Dao.

Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện A, tỉnh Hà Giang.

Hôm nay có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 21-11-2017 của nguyên đơn và các lời khai tại Tòa án là chị **Đặng Thị N** trình bày: Chị N và anh T trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau và có đăng ký kết hôn ngày 02 tháng 01 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện A, tỉnh Hà Giang. Sau khi kết hôn, chị N và anh T chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Đến tháng 01-2015, thì chị N và anh T phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do cuộc sống gia đình có nhiều điều bất đồng trong làm ăn kinh tế, cuộc sống không hòa thuận, thường xuyên xảy ra cãi vã. Anh T có đi uống rượu và bạn bè rủ rê chơi cờ bạc nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau, anh T có

đánh chị N. Anh T thường xuyên đi làm xa nhà nên cũng ít quan tâm đến gia đình, vợ con. Chị N xét thấy tình cảm của vợ, chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không thể khắc phục nữa nên có quan điểm yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị N ly hôn với anh T để mỗi người có một cuộc sống riêng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị N và anh T có một con chung:

Cháu Đặng Kim N – Sinh ngày: 12-11-2013.

Chị N có quan điểm sau khi ly hôn sẽ nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N đến khi cháu N trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị N không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lý Xuân T trình bày theo lời khai tại Tòa án ngày 21-12-2017: Anh T đã nhận được toàn bộ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ khởi kiện tại Tòa án (bản photo) do chị N gửi cho anh qua đường bưu điện. Anh T và chị N trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau và có đăng ký kết hôn ngày 02 tháng 01 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện A, tỉnh Hà Giang. Sau khi kết hôn, anh T và chị N chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Đến khoảng tháng 01-2015, anh T và chị N phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do cuộc sống gia đình anh T và chị N có nhiều bất đồng trong làm ăn kinh tế, cuộc sống không hòa thuận, thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Anh T có đi uống rượu và bạn bè rủ rê chơi cờ bạc nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, do không kiềm chế được nên anh T đã đánh chị N. Nay chị N có đơn xin ly hôn với anh, anh T không nhất trí ly hôn với chị N vì tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng nên anh T có quan điểm muốn vợ chồng quay về đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh T và chị N có một con chung:

Cháu Đặng Kim N – Sinh ngày: 12-11-2013.

Anh T không nhất trí ly hôn với chị N. Nếu trường hợp phải ly hôn, anh T có quan điểm sau khi ly hôn sẽ nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N đến khi cháu N trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh T không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi cháu N.

Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tiến hành thụ lý vụ án, xác minh tại địa phương, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành. Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa ngày hôm nay: Chị Đặng Thị N có đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 27-12-2017. Chủ tọa phiên tòa thay mặt Hội đồng xét xử công bố toàn bộ nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, đơn xin giải quyết vắng mặt của chị Đặng Thị N và các tài liệu kèm theo. Chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là xin ly hôn với anh T.

Về phần con chung: Chị Đặng Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu và đề nghị Tòa án giao cháu Đặng Kim N cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục đến khi cháu N trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị N không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ngày hôm nay: Anh Lý Xuân T giữ nguyên quan điểm không nhất trí ly hôn với chị N vì tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng. Anh T muốn vợ chồng quay về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về phần con chung: Anh Lý Xuân T vẫn giữ nguyên quan điểm sẽ nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu N trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh T không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A về việc giải quyết vụ án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc Ly hôn và tranh chấp nuôi con của chị Đặng Thị N đối với anh Lý Xuân T.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Đặng Thị N và anh Lý Xuân T ly hôn.

3. Về con chung: Giao cháu Đặng Kim N – Sinh ngày: 12-11-2013 cho chị Đặng Thị N – Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện A, tỉnh Hà Giang trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Đặng Kim N trưởng thành, đủ 18 tuổi kể từ ngày 06-02-2018. Anh Lý Xuân T không phải cấp dưỡng nuôi cháu N và có quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

4. Tài sản chung, công nợ không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

5. Về án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Đặng Thị N có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện A giải quyết việc hôn nhân của chị và anh T. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Hà Giang. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai và tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị N và anh Lý Xuân T xác lập quan hệ vợ chồng với nhau theo đúng các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn. Chị N và anh T có đăng ký kết hôn ngày 02-01-2014 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện A, tỉnh Hà Giang nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi về chung sống với nhau, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì

phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do vợ, chồng có nhiều quan điểm bất đồng, trái ngược nhau trong công việc làm ăn kinh tế, cuộc sống không hòa thuận, thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Anh T có đi uống rượu và bạn bè rủ chơi cờ bạc nên vợ, chồng xảy ra cãi vã và anh T có đánh chị N. Mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N có đơn xin ly hôn với anh T. Tòa án nhận thấy về tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh T cuộc sống chung không hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh T là phù hợp. Không chấp nhận quan điểm của anh T đưa ra về đoàn tụ gia đình.

[3] Về con chung: Chị N có quan điểm đề nghị Tòa án giao cháu Đặng Kim N – Sinh ngày: 12-11-2013 cho chị N nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu N trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Tòa án xét thấy nguyện vọng của chị N là phù hợp, để đảm bảo được cuộc sống cho cháu N cần phải giao cháu Đặng Kim N cho chị Đặng Thị N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Đặng Thị N trưởng thành, đủ 18 tuổi kể từ ngày 06-02-2018. Không chấp nhận quan điểm của anh Lý Xuân T đưa ra nhận nuôi con.

Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản, công nợ: Chị N và anh T không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Đặng Thị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị N và anh Lý Xuân T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Khoản 1 Điều 81; khoản 1,3 Điều 82; Khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc Ly hôn và tranh chấp nuôi con của chị Đặng Thị N đối với anh Lý Xuân T.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Đặng Thị N và anh Lý Xuân T ly hôn.

3. Về con chung: Giao cháu Đặng Kim N – Sinh ngày: 12-11-2013 cho chị Đặng Thị N – Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện A, tỉnh Hà Giang trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Đặng Kim N thành, đủ 18 tuổi kể

từ ngày 06-02-2018. Anh Lý Xuân T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

4. Về án phí: Chị Đặng Thị N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 01756 ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Hà Giang (Chị N đã nộp đủ tiền án phí).

5. Quyền kháng cáo: Báo cho anh Lý Xuân T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 06-02-2018).

Báo cho chị Đặng Thị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7; Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện A;
- TAND tỉnh;
- UBND xã M;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lâm Anh L

Bản án gốc được thông qua tại phòng nghị án cho các thành viên hội đồng xét xử nghe nhất trí đúng nội dung đã thảo luận và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Bản án gốc thông qua tại phòng nghị án những nội dung đã thảo luận, các thành viên hội đồng xét xử nhất trí ký tên.

Thành viên hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa